

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 26-9-2023.  
V/v: “*Kiện xin ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con*”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Sơn.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Xuân Lập - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023 về tranh chấp: “*Kiện xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1982.

\* *Bị đơn:* Anh Trần Khánh T, sinh năm 1981.

Cùng ở địa chỉ: Tổ N, phường M, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Chị Phạm Thị N và anh Trần Khánh T vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị N đều trình bày: Chị và anh Trần Khánh T lấy nhau trên cơ sở các bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2006 tại UBND phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến phát sinh mâu thuẫn là do các bên không còn thấy phù hợp nhau về quan điểm sống và cách sống, không có sự thấu hiểu, thông cảm, chia sẻ lẫn nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra bất đồng. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, từ đầu năm 2021 đến nay chị và anh T đã sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục

cùng chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Khánh T.

\* Trong bản tự khai ngày 24/8/2023, bị đơn anh Trần Khánh T trình bày, xác nhận về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn giữa anh với chị Phạm Thị N như chị N đã trình bày tại Tòa án là đúng. Về việc chị N khởi kiện xin ly hôn, anh có ý kiến thừa nhận sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 mới phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, anh cũng xác định chủ yếu là do cách sống và quan điểm sống của các bên không còn phù hợp với nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống thường hay xảy ra bất đồng, cãi vã nên không còn hòa thuận, hạnh phúc. Anh cũng xác nhận từ năm 2021 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Phạm Thị N xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên cũng đồng ý thuận tình xin được ly hôn.

\* Về con chung: Các đương sự đều thống nhất trình bày, xác nhận vợ chồng có hai người con chung là cháu Trần Đình B (con trai), sinh ngày 15/12/2006 và cháu Trần Bảo L (con gái), sinh ngày 06/10/ 2008. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, các cháu đều do chị N quản lý, nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, các bên đều có quan điểm thống nhất đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T xin được cấp dưỡng cho con theo yêu cầu của chị N và quy định pháp luật, còn chị N yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con với mức mỗi cháu là 1.500.000đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành, tự lập.

\* Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong văn bản ngày 18/8/2023, các cháu Trần Đình B và Trần Bảo L con chung của anh chị đều trình bày, xác nhận trong thời gian gần đây cuộc sống chung của bố mẹ các cháu không được hòa thuận mà thường hay xảy ra bất đồng, cãi vã với nhau. Từ đầu năm 2021 đến nay, bố mẹ các cháu không còn chung sống mà mỗi người ở một nơi, anh T thường hay đi làm ăn xa vắng nhà và ít quan tâm đến cuộc sống của mẹ con các cháu. Trong trường hợp anh chị ly hôn, các cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

\* Quan điểm của UBND phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý xác nhận chị Phạm Thị N và anh Trần Khánh T lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2006 tại địa phương. Vợ chồng anh chị đều có hộ khẩu thường trú tại tổ 6, phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý nhưng anh T thường hay đi làm ăn xa, ít khi về nhà. Vợ chồng anh chị có 02 người con chung như đương sự đã trình bày tại Tòa án là đúng. Nay chị Phạm Thị N xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và vấn đề con chung của anh chị theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

*\* Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng

dân sự theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xem xét ý kiến, nguyện vọng và đánh giá tình trạng hôn nhân của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị N:

- Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Khánh T.

- Về con chung: Giao các cháu Trần Đình B và Trần Bảo L cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Khánh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nghe Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Khánh T có địa chỉ cư trú tại tổ 6, phường M, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án: “Kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Khánh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, chị Phạm Thị N và anh Trần Khánh T vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Khánh T trên cơ sở các bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2006 tại UBND phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam do đó hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau kết hôn, chị Phạm Thị N và anh Trần Khánh T đã có một thời gian dài chung sống hòa thuận, hạnh phúc và anh chị đã có với nhau hai người con chung. Tuy nhiên, trong thời gian vài năm gần đây cuộc sống vợ chồng của anh chị không còn hòa thuận mà đã phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, các bên đều thống nhất xác định chủ yếu là do cách sống, quan điểm sống của anh chị không còn phù hợp với nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống luôn xảy ra bất đồng, do đó không còn hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng anh chị đã không chủ động tìm biện pháp khắc phục, hóa giải

mâu thuẫn để cuộc sống hòa thuận hơn mà bỏ mặc để mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, hậu quả là từ năm 2021 đến nay các bên đã lựa chọn sống ly thân, không còn quan tâm đến đời sống của nhau. Khi chị N khởi kiện xin ly hôn, anh T cũng thuận tình nhất trí, các bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đoàn tụ để tiếp tục cùng chung sống và cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Như vậy, mục đích cuộc hôn nhân của anh chị đã không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục và kéo dài, việc các bên đồng thuận xin ly hôn là thật sự tự nguyện nên cần xem xét chấp nhận việc xin ly hôn của chị N và giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T là phù hợp với thực tế, nguyện vọng các bên và quy định của pháp luật tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Xét thấy vợ chồng anh chị có hai người con chung là cháu Trần Đình B (con trai), sinh ngày 15/12/2006 và cháu Trần Bảo L (con gái), sinh ngày 06/10/2008. Khi thuận tình ly hôn, các bên đều thống nhất quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N trực tiếp quản lý, nuôi dưỡng, anh T sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng cho con theo yêu cầu của chị N và quy định của pháp luật, nguyện vọng của các cháu con chung anh chị đều muốn được ở với mẹ. Vì vậy, nay giải quyết cho anh chị ly hôn, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung trên cơ sở cuộc sống của cháu luôn được ổn định, không bị xáo trộn, phù hợp với điều kiện về tâm, sinh lý của các cháu và nguyện vọng của các bên thấy cần giao cả hai cháu con chung cho chị N trực tiếp quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng cho con cho đến khi các cháu trưởng thành tự lập được hoặc đến khi có sự thay đổi khác với mức cấp dưỡng mà chị N đã yêu cầu là phù hợp điều kiện thực tế của các bên và quy định của pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con nuôi, con riêng: Các đương sự thống nhất xác định các bên không có con riêng, con nuôi và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Hiện tại chị N không có thai nghén gì.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với trường hợp thuận tình ly hôn và trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Khánh T.

## 2. Về con chung:

2.1. Giao các cháu Trần Đình B (con trai), sinh ngày 15/12/2006 và cháu Trần Bảo L (con gái), sinh ngày 06/10/ 2008 là con chung của vợ chồng cho chị Phạm Thị N trực tiếp quản lý, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trần Khánh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.500.000đồng/tháng kể từ tháng 10/2023 cho đến khi cháu trưởng thành tự lập hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về con riêng, con nuôi, tài sản chung và công nợ chung: Chị Phạm Thị N và anh Trần Khánh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

## 4. Về án phí:

4.1. Chị Phạm Thị N và anh Trần Khánh T mỗi người phải nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm do thuận tình ly hôn. Chị Phạm Thị N được đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001706 ngày 17/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị Phạm Thị N còn được nhận lại 150.000 đồng.

4.2. Anh Trần Khánh T còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do phải thực hiện nghĩa vụ định kỳ cấp dưỡng cho con.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường Minh Khai, TP. Phủ Lý;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Lê Thanh Sơn**